

Số: 44/2016/QĐ-UBND

Quảng Ngãi, ngày 01 tháng 9 năm 2016

**QUYẾT ĐỊNH**

**Quy định mức thu, quản lý và sử dụng tiền bảo vệ, phát triển đất trồng lúa khi chuyển đất chuyên trồng lúa nước sang sử dụng vào mục đích phi nông nghiệp trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi**

**ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH QUẢNG NGÃI**

*Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;*

*Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 22 tháng 6 năm 2015;*

*Căn cứ Luật Đất đai ngày 29 tháng 11 năm 2013;*

*Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước ngày 16 tháng 12 năm 2002;*

*Căn cứ Nghị định số 35/2015/NĐ-CP ngày 13 tháng 4 năm 2015 của Chính phủ về quản lý, sử dụng đất trồng lúa;*

*Căn cứ Nghị định số 34/2016/NĐ-CP ngày 14 tháng 5 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật;*

*Căn cứ Thông tư số 18/2016/TT-BTC ngày 21 tháng 01 năm 2016 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện một số điều của Nghị định số 35/2015/NĐ-CP ngày 13 tháng 4 năm 2015 của Chính phủ về quản lý, sử dụng đất trồng lúa;*

*Căn cứ Nghị quyết số 16/2016/NQ-HĐND ngày 15 tháng 7 năm 2016 của Hội đồng nhân dân tỉnh Khóa XII, Kỳ họp thứ 2 quy định thu tiền bảo vệ, phát triển đất trồng lúa khi chuyển đất chuyên trồng lúa nước sang sử dụng vào mục đích phi nông nghiệp trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi;*

*Theo đề nghị của Giám đốc Sở Tài chính tại Công văn số 1948/STC-HCSN ngày 15 tháng 8 năm 2016 và ý kiến thẩm định của Sở Tư pháp tại Báo cáo số 71/BC-STP ngày 23 tháng 5 năm 2016.*

**QUYẾT ĐỊNH:**

**Điều 1.** Quy định mức thu, quản lý và sử dụng tiền bảo vệ, phát triển đất trồng lúa khi chuyển đất chuyên trồng lúa nước sang sử dụng vào mục

đích phi nông nghiệp trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi, cụ thể như sau:

### 1. Phạm vi điều chỉnh

Quy định mức thu, quản lý và sử dụng tiền bảo vệ, phát triển đất trồng lúa khi nhà nước giao đất, cho thuê đất để sử dụng vào mục đích phi nông nghiệp từ đất chuyên trồng lúa nước trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi.

### 2. Đối tượng áp dụng

Các cơ quan, tổ chức, hộ gia đình, cá nhân trong nước; tổ chức, cá nhân nước ngoài có liên quan đến quản lý, sử dụng đất trồng lúa trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi.

### 3. Mức thu tiền bảo vệ, phát triển đất trồng lúa

a) Mức thu tiền bảo vệ, phát triển đất trồng lúa khi tổ chức, hộ gia đình, cá nhân trong nước, tổ chức cá nhân người nước ngoài được nhà nước giao đất, cho thuê đất để chuyển đất chuyên trồng lúa nước sang sử dụng vào mục đích phi nông nghiệp trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi được tính bằng 50% số tiền được xác định theo diện tích đất chuyên trồng lúa nước chuyển sang đất phi nông nghiệp ghi cụ thể trong quyết định cho phép chuyển mục đích từ đất chuyên trồng lúa nước sang đất phi nông nghiệp của cơ quan có thẩm quyền nhân với giá của loại đất trồng lúa tính theo Bảng giá đất được áp dụng tại thời điểm chuyển mục đích sử dụng đất do Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành.

b) Việc tổ chức thu và hạch toán các khoản thu vào ngân sách nhà nước thực hiện theo quy định tại Khoản 5 Điều 2 Thông tư số 18/2016/TT-BTC ngày 21 tháng 1 năm 2016 của Bộ Tài chính.

### 4. Quản lý và sử dụng kinh phí

a) Việc quản lý và sử dụng kinh phí từ khoản tiền thu được theo quy định tại Điều 3 Quyết định này và kinh phí được hỗ trợ theo quy định tại Khoản 2 Điều 7 Nghị định số 35/2015/NĐ-CP ngày 13 tháng 4 năm 2015 của Chính phủ thực hiện theo quy định tại Điều 4 Thông tư số 18/2016/TT-BTC ngày 21 tháng 01 năm 2016 của Bộ Tài chính.

b) Lập dự toán, chấp hành và quyết toán kinh phí, thực hiện theo quy định tại Điều 5 Thông tư số 18/2016/TT-BTC ngày 21 tháng 01 năm 2016 của Bộ Tài chính.

5. Trách nhiệm của các cơ quan, tổ chức, hộ gia đình, cá nhân trong nước; tổ chức, cá nhân nước ngoài được nhà nước giao đất, cho thuê đất để sử dụng vào mục đích phi nông nghiệp từ đất chuyên trồng lúa nước (sau đây gọi tắt là người sử dụng đất)

a) Thực hiện đúng các quy định của pháp luật về đất đai và phải nộp tiền bảo vệ, phát triển đất trồng lúa vào ngân sách theo quy định tại Điều 3

Quyết định này và các quy định tại Khoản 6 Điều 6 Nghị định số 35/2015/NĐ-CP và quy định tại khoản 2 Điều này.

b) Thời hạn nộp tiền bảo vệ, phát triển đất trồng lúa:

Trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày ký Thông báo của cơ quan tài chính, người sử dụng đất phải nộp 100% số tiền theo Thông báo.

Quá thời hạn, người sử dụng đất chưa nộp đủ số tiền theo Thông báo thì phải nộp tiền chậm nộp đối với số tiền chưa nộp theo mức quy định của pháp luật về quản lý thuế trừ trường hợp có đơn xin ghi nợ đối với những trường hợp được ghi nợ.

6. Trách nhiệm của các Sở: Tài nguyên và Môi trường, Tài chính, Nông nghiệp và Phát triển nông thôn và Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố trong việc thu nộp, quản lý và sử dụng nguồn thu bảo vệ, phát triển đất trồng lúa

a) Sở Tài nguyên và Môi trường:

Khi tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành Quyết định giao đất, cho thuê đất đối với người sử dụng đất từ đất chuyên trồng lúa nước vào mục đích phi nông nghiệp, phải xác định đầy đủ các thông tin liên quan, về diện tích đất chuyên đổi mục đích sử dụng, vị trí và giá của loại đất trồng lúa trước khi chuyển mục đích sử dụng, để làm cơ sở cho người sử dụng đất kê khai nộp tiền vào ngân sách nhà nước.

b) Sở Tài chính:

Căn cứ Quyết định giao đất, cho thuê đất của cấp có thẩm quyền và bản kê khai của người sử dụng đất, Sở Tài chính xác định số tiền phải nộp và thông báo cho người sử dụng đất nộp vào ngân sách cấp tỉnh theo quy định.

c) Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn:

Trên cơ sở đề nghị của các ngành, địa phương, đơn vị liên quan về nhu cầu sử dụng kinh phí bảo vệ và phát triển đất trồng lúa; và căn cứ các nội dung chi quy định tại Điều 4 Thông tư số 18/2016/TT-BTC ngày 21 tháng 01 năm 2016 của Bộ Tài chính được cấp có thẩm quyền phê duyệt, Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tổng hợp, gửi Sở Tài chính trình Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét quyết định phân bổ kinh phí để thực hiện.

d) Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố:

d1) Ban hành Quyết định giao đất, cho thuê đất đối với người sử dụng đất từ đất chuyên trồng lúa nước vào mục đích phi nông nghiệp (đối với các trường hợp thuộc thẩm quyền của Ủy ban nhân dân cấp huyện giao đất cho thuê đất), phải xác định đầy đủ các thông tin liên quan, về diện tích đất, vị trí và giá của loại đất trồng lúa trước khi chuyển mục đích sử dụng, để làm cơ sở

cho người sử dụng đất kê khai nộp tiền vào ngân sách nhà nước.

d2) Phối hợp và cung cấp thông tin với Sở Tài nguyên và Môi trường trong việc xác định cụ thể vị trí, diện tích đất chuyển từ đất chuyên trồng lúa nước vào mục đích phi nông nghiệp để làm cơ sở tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành quyết định giao đất, cho thuê đất (đối với các trường hợp thuộc thẩm quyền của Ủy ban nhân dân tỉnh giao đất cho thuê đất) và làm cơ sở cho người sử dụng đất kê khai nộp tiền vào ngân sách nhà nước.

d3) Kiểm tra kết quả nộp tiền để bảo vệ và phát triển đất trồng lúa trước khi thực hiện thủ tục bàn giao đất, cấp trích lục bản đồ khu đất và cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Trường hợp chưa nộp tiền vào ngân sách thì yêu cầu người sử dụng đất nộp tiền trước khi thực hiện thủ tục bàn giao đất, cấp trích lục bản đồ khu đất và cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

7. Xử lý đối với các trường hợp người sử dụng đất đã được cấp có thẩm quyền quyết định cho phép chuyển mục đích sử dụng đất từ đất chuyên trồng lúa nước sang sử dụng vào mục đích phi nông nghiệp kể từ ngày 01 tháng 7 năm 2015 (ngày Nghị định số 35/2015/NĐ-CP có hiệu lực thi hành) nhưng chưa nộp tiền bảo vệ và phát triển đất trồng lúa

a) Sở Tài nguyên và Môi trường (đối với các trường hợp Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định giao đất, cho thuê đất) và Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố có trách nhiệm kiểm tra, rà soát các trường hợp được Nhà nước giao đất, cho thuê đất, chuyển mục đích sử dụng đất từ đất chuyên trồng lúa nước sang sử dụng vào mục đích phi nông nghiệp trên địa bàn kể từ ngày 01 tháng 7 năm 2015 (ngày Nghị định số 35/2015/NĐ-CP có hiệu lực thi hành) để tổng hợp các thông tin về diện tích đất, vị trí và giá của loại đất trồng lúa trước khi chuyển mục đích sử dụng, gửi Sở Tài chính và người sử dụng đất kê khai nộp tiền bảo vệ, phát triển đất trồng lúa vào ngân sách theo quy định.

b) Sở Tài chính căn cứ các thông tin về diện tích đất, vị trí và giá của loại đất trồng lúa trước khi chuyển mục đích sử dụng do Sở Tài nguyên và Môi trường (đối với các trường hợp Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định giao đất, cho thuê đất) và Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố cung cấp để thông báo cho người sử dụng đất thực hiện việc kê khai theo quy định.

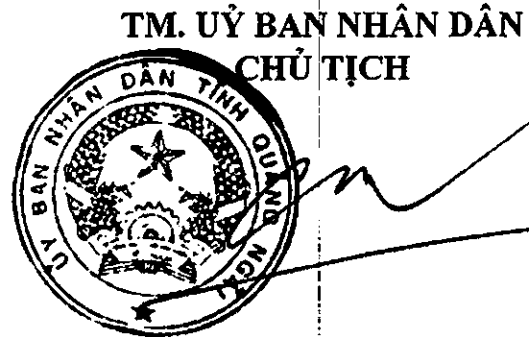
c) Người sử dụng đất căn cứ các thông tin về diện tích đất, vị trí và giá của loại đất trồng lúa đã chuyển mục đích sử dụng do Sở Tài nguyên và Môi trường hoặc Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố cung cấp, lập bản kê khai số tiền phải nộp, tương ứng với diện tích đất chuyên trồng lúa nước được nhà nước giao, cho thuê, gửi Sở Tài chính để xác định số tiền phải nộp, làm cơ sở để người sử dụng đất nộp vào ngân sách cấp tỉnh theo quy định.

**Điều 2.** Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 10 tháng 9 năm 2016.

**Điều 3.** Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh, Thủ trưởng các Sở, Ban, ngành tỉnh; Cục trưởng Cục Thuế tỉnh; Giám đốc Kho bạc Nhà nước Quảng Ngãi, Chủ tịch Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố; các tổ chức, cá nhân liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

**Nơi nhận:**

- Như Điều 3;
- Văn phòng Chính phủ;
- Bộ Tài chính;
- Cục Kiểm tra văn bản QPPL-Bộ Tư pháp;
- Vụ Pháp chế, Bộ Tài chính;
- TT Tỉnh ủy;
- Đoàn Đại biểu Quốc hội tỉnh;
- TT HĐND tỉnh;
- CT, các PCT UBND tỉnh;
- Ủy ban MTTQVN tỉnh;
- Các tổ chức chính trị- xã hội tỉnh;
- Báo Quảng Ngãi;
- Đài Phát thanh truyền hình tỉnh;
- Ban Kinh tế- Ngân sách HĐND tỉnh;
- VPUB: PVP, các phòng nghiên cứu;
- Lưu: VT, NN-TNndt355.



**Trần Ngọc Căng**